

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2020

“V/v ly hôn giữa chị V- anh L

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Dân.

Bà Nguyễn Thị Doan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐHPT-ST ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 1x, khu 1x, phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị V, vắng mặt anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản tự khai nguyên đơn là chị Đoàn Thị V trình bày: Chị và anh Dương Văn L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày

30/3/2012, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 12/2012 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị xin được ly hôn anh L.

-Về con chung: Chị V khai chị và anh L không có con chung, hiện tại chị không có thai con chung.

-Về tài sản chung: Chị V khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là anh Dương Văn L trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh L biết đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị V được ly hôn anh L. Về con chung: chị V và anh L không có con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị V và anh Dương Văn L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân Ủy ban nhân dân phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 30/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị V và anh L đều sinh sống tại phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 12/2012 mâu thuẫn càng tăng, anh L trở về quê tại xã Q, huyện Q sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh L. Còn đối với anh L quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh L biết đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy anh L không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị V. Qua xác minh lời khai mẹ đẻ anh L và trưởng thôn A, xã Q đều xác nhận hiện anh L đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà tại thôn A xã Q, anh L đã biết việc chị V làm đơn xin ly hôn và đã nhận các giấy tờ của Tòa án. Quan điểm của mẹ đẻ anh L và cơ sở thôn A, xã Q đều đề nghị giải quyết yêu cầu ly hôn của chị V theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng chị V vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn anh L, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình, cảm vợ chồng giữa chị V và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh L là có căn cứ.

[3]Về con chung: Chị V và anh L không có con chung, chị V không có thai con chung.

[4]Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]Về quyền kháng cáo: Chị V và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị V được ly hôn anh Dương Văn L.

2/Về con chung: Chị V và anh L không có con chung.

3/Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004285 ngày 20/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn

kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND phường H, TP H.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC